

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ MINH TÂM

**CẢM HỨNG THẾ SỰ ĐỜI TÔI TRONG THƠ VIỆT NAM
MỖI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

Hà Nội - 2012

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ MINH TÂM

**CẢM HỨNG THẾ SỰ ĐỜI TÔI TRONG THƠ VIỆT NAM
MỖI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam

Mã số: 60 22 34

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Lê Văn Lân

Hà Nội - 2012

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề	2
3. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	6
4. Phương pháp nghiên cứu	7
5. Cấu trúc luận văn	7
NỘI DUNG	8
Chương 1. TÌNH HÌNH XÃ HỘI VÀ THƠ CA VIỆT NAM MƯỜI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI	8
1.1. Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XXI	8
1.2. Đời sống thơ ca mười năm đầu thế kỷ XXI.....	9
1.2.1. Cách tân là vấn đề cấp thiết của thơ ca	9
1.2.2. Phong trào cách tân và cuộc cách mạng thơ chưa thành	13
1.3. Những cảm hứng chính của thơ mười năm đầu thế kỷ XXI	24
1.3.1. Cảm hứng sử thi	25
1.3.2. Cảm hứng thế sự	27
1.3.3. Cảm hứng đời tư	29
Chương 2. NHỮNG CẢM HỨNG CHÍNH TRONG THƠ VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XXI	31
2.1. Cảm hứng thế sự trong thơ Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI .	31
2.1.1. Ký ức chiến tranh vẫn còn ám ảnh	31
2.1.2. Thơ mở rộng phản ánh các hiện trạng xã hội trên bình diện đạo đức	33
2.1.3. Niềm tin vào những điều tốt đẹp	39
2.1.4. Trở về với các giá trị truyền thống	39
2.1.5. Hà Nội - kinh đô văn hiến nghìn năm	44

2.1.6. <i>Những suy ngẫm về thơ ca</i>	48
2.2. Cảm hứng đời tư trong thơ Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI .50	
2.2.1. <i>Nhu cầu thể hiện cái tôi</i>	50
2.2.2. <i>Tình yêu là đề tài vĩnh cửu</i>	55
2.2.3. <i>Tình cảm gia đình</i>	60
2.2.4. <i>Thế giới tâm linh</i>	62
Chương 3. PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN TRONG THƠ VIỆT NAM MUỐI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI	67
3.1. Thể loại	67
3.1.1. <i>Duy trì các thể thơ truyền thống</i>	69
3.1.2. <i>Tự do hoá hình thức thơ</i>	74
3.2. Ngôn ngữ	80
3.2.1. <i>Ngôn ngữ đời thường, trần tục</i>	81
3.2.2. <i>Ngôn ngữ trong sáng, giản dị</i>	83
3.2.3. <i>Ngôn ngữ hàm súc</i>	85
3.3. Hình ảnh	87
3.3.1. <i>Những hình ảnh mang tính dân gian</i>	87
3.3.2. <i>Những hình ảnh đời thường, trần tục hóa</i>	88
3.3.3. <i>Những hình ảnh lạ hóa mang màu sắc siêu thực</i>	93
3.4. Giọng điệu	95
3.4.1. <i>Giọng giải bày, tâm sự</i>	96
3.4.2. <i>Giọng chiêm nghiệm, triết lý</i>	97
3.4.3. <i>Giọng tự sự khách quan</i>	99
3.4.4. <i>Giọng cảm thương</i>	100
KẾT LUẬN	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	106

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Thơ là một trong những thể loại văn học giàu truyền thống nhất trong các thể loại văn học. Thơ ra đời bắt đầu từ lúc loài người có nhu cầu bộc lộ đời sống tâm hồn, tình cảm và nó đã song hành cùng loài người với bao thăng trầm từ đó đến nay. Cho dù ở thời điểm này, thơ đang ở trong cơn “bĩ cực” nhưng nó vẫn xứng đáng được quan tâm, nghiên cứu.

1.2. Về thơ Việt Nam đương đại, hiện có nhiều đánh giá khác nhau. Người bảo “nền rộng nhưng thiếu đỉnh”. Người bảo “thơ đi ngang”. Người lại quả quyết, thơ hiện nay “ngang ngựa” thậm chí “chất lượng và bề thế hơn” thơ các giai đoạn trước. Điều này xuất phát từ hai nguyên nhân chính: *thứ nhất*, độ lùi đánh giá chưa xa; và, *thứ hai*, so với thơ ca trước đây, thơ Việt sau 1975 phức tạp hơn, tính ly tâm cao hơn. Trong bối cảnh một nền thơ đang vận động và phong phú, đa dạng như vậy cần có những cái nhìn khách quan và nghiêm túc để nhận diện một nền thơ mới.

1.3. Nhìn một cách khái quát, thơ Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI là tiếp nối mạch thơ đổi mới cuối thế kỷ XX với cảm hứng thế sự và đời tư giữ vai trò là cảm hứng chủ đạo. Hai dòng cảm hứng này đã chiếm lĩnh thơ ca Việt Nam từ sau năm 1975, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới sau 1986. Nhưng trong những năm gần đây, với việc toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, với bao biến cố lớn mà nhân loại nói chung và đất nước nói riêng đang phải đối mặt, nội dung thế sự, đời tư trong thơ ca cũng có nhiều thay đổi so với giai đoạn trước. Nghiên cứu cảm hứng thế sự đời tư trong thơ ca mười năm đầu thế kỷ XXI chính là một cách nhận diện thời kỳ văn học mới.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Tình hình nghiên cứu về thơ ca mười năm đầu thế kỷ XXI.

Mười năm đầu thế kỷ vừa mới đi qua, khoảng cách thời gian từ đó đến nay chưa đủ để các nhà phê bình, nghiên cứu đưa ra một công trình bàn về thơ Việt Nam giai đoạn này. Tuy vậy, trên các báo viết, báo mạng và trong các cuộc hội thảo văn học có một vài ý kiến bàn về thơ hiện nay, chủ yếu xung quanh hai vấn đề chính: đánh giá về thực trạng của thơ và vấn đề thơ hiện đại, hậu hiện đại.

Đánh giá về thực trạng thơ hiện nay hiện có hai luồng ý kiến trái ngược nhau. Luồng ý kiến thứ nhất tỏ ra bi quan cho rằng thơ hiện nay èo uột, lằng nhằng, thơ đang có vấn đề và cần phải đổi mới nó. Đó là ý kiến của một số nhà thơ, một số nhà nghiên cứu như Hữu Thỉnh, Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Hoàng Đức, Vũ Quần Phương... Ngược lại luồng ý kiến thứ hai thì cho rằng có một nguồn sinh lực mới đang tiềm ẩn trong thơ hiện nay, rằng thơ Việt Nam hiện đại đã đạt được nhiều thành tựu và hứa hẹn nhiều tiềm năng. Tiêu biểu cho hướng đánh giá này là Lưu Khánh Thơ, Hà Quảng, Inrasara...

Cuộc trao đổi - đối thoại về chủ nghĩa hậu hiện đại trên phương diện lý thuyết và biểu hiện thực tế của nó trong văn học Việt Nam tạo thành một sự kiện đáng chú ý trên một số diễn đàn, gồm cả báo mạng internet và báo viết. Nhìn chung các ý kiến đánh giá về thơ hậu hiện đại có thể quy về ba nhóm. Nhóm thứ nhất kịch liệt phản đối, tiêu biểu là Đỗ Hoàng, Nguyễn Hoà, Đỗ Ngọc Yên... Ở phía bên kia, Inrasara là người nhiệt thành ca ngợi thơ hậu hiện đại, thậm chí còn kỳ vọng thơ hậu hiện đại có thể *“làm một cuộc cách mạng cho thơ Việt”*. Một số nhà nghiên cứu thì có cái nhìn toàn diện hơn, một mặt họ thừa nhận những sáng tạo thơ theo lối hiện đại và hậu hiện đại là những nỗ lực đáng được trân trọng trong hành trình cách tân thơ Việt, có những tác phẩm thực sự giá trị; mặt khác họ phê phán những sáng tạo cực đoan đang phá hoại giá trị thẩm mỹ của thơ ca. Tiêu biểu cho khuynh hướng đánh giá này là các tác giả Nguyễn Đăng Điệp, Lưu Khánh Thơ, Trần Quang Đạo, Nguyễn Thanh Tâm...

2.2. Những vấn đề liên quan đến đề tài

Cảm hứng thế sự, đời tư là một trong cảm hứng chính của thơ ca Việt Nam từ xưa đến nay; tùy vào từng thời kỳ mà hai dòng cảm hứng này hoặc nổi trội hoặc mờ nhạt so với cảm hứng sử thi. Cảm hứng chủ đạo của văn học Việt Nam nói chung và thơ ca nói riêng giai đoạn 1945 - 1975 là cảm hứng sử thi, nhưng sau 1975, đặc biệt là sau đổi mới 1986, cảm hứng thế sự đời tư chiếm vị trí chủ đạo. Điều này đã được khẳng định trong nhiều công trình nghiên cứu về thơ sau 1975 như *Thơ Việt Nam sau 1975 - cái nhìn toàn cảnh* của Nguyễn Đăng Điệp, *Văn học hiện đại Việt Nam: Vấn đề - tác giả* của Mã Giang Lân, *Nhận diện thơ qua hệ thống thể tài* của Bích Thu, *Cảm hứng thế sự đời tư trong*

thơ Việt Nam 1975 – 2000 của Trịnh Thị Hằng. Bên cạnh đó, một số tác giả đã đi vào phân tích những biến đổi về phương thức biểu hiện của thơ cho phù hợp với nội dung mới như Mã Giang Lân với tác phẩm *Những cấu trúc của thơ*, Phạm Quốc Ca với chuyên luận *Mấy vấn đề về thơ Việt Nam 1975 - 2000*.

Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi, cho đến thời điểm này vẫn chưa có ý kiến nào bàn về cảm hứng chủ đạo nói chung và cảm hứng thế sự, đời tư nói riêng trong thơ Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI. Việc nghiên cứu cảm hứng thế sự đời tư trong thơ Việt Nam đầu thế kỷ XXI là một việc làm cần thiết để góp phần làm rõ hơn sự vận động của thơ Việt Nam hiện đại.

3. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích

Luận văn hướng tới mục đích khảo sát, tìm hiểu những đặc điểm về nội dung và hình thức nghệ thuật của thơ ca mười năm đầu thế kỷ XXI, từ đó góp phần nhận diện nền thơ ca Việt Nam đương đại.

3.2. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những tác phẩm, tác giả tiêu biểu của thơ ca Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Do số lượng tác phẩm thơ được in ấn và xuất bản trong mười năm đầu thế kỷ XXI là rất nhiều nên luận văn chú trọng tìm hiểu các tác phẩm tiêu biểu đã được tuyển chọn trong tuyển thơ *Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI* (2 tập) do NXB Hội nhà văn phát hành tháng 10 năm 2010. Khi cần thiết chúng tôi mở rộng tới một số bài thơ khác (nằm ngoài tuyển thơ trên) nhằm làm rõ hơn những nhận định của luận văn.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp chủ đạo là:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp xã hội học lịch sử
- Phương pháp hệ thống

Ngoài ra chúng tôi còn sử dụng một số thao tác bổ trợ của thi pháp học...

5. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, nội dung chính của luận văn được triển khai qua ba chương

- Chương 1: Tình hình xã hội và thơ ca Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI
- Chương 2: Cảm hứng thế sự, đời tư trong thơ Việt Nam đầu thế kỷ XXI
- Chương 3. Phương thức thể hiện trong thơ mười năm đầu thế kỷ XXI

NỘI DUNG

Chương 1. TÌNH HÌNH XÃ HỘI VÀ THƠ CA VIỆT NAM MƯỜI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

1.1. Xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XXI

Những năm đầu thế kỷ XXI, mặc dù thế giới có nhiều biến động bất ổn nhưng nước ta vẫn giữ được ổn định chính trị - xã hội, kinh tế tiếp tục tăng trưởng. Việt Nam đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình trên thế giới. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng. Bên cạnh đó, nước ta cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, bất ổn như tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm do tác động của cuộc suy thoái kinh tế thế giới, thảm họa thiên tai do khí hậu biến đổi diễn ra thường xuyên hơn, mức độ tàn phá khủng khiếp hơn, nguy cơ mai một các giá trị văn hóa truyền thống trước sự xâm thực của văn hóa ngoại lai, chủ quyền biển, đảo của đất nước bị đe dọa bởi các thế lực bành trướng... Tất cả những vấn đề xã hội đó có tác động không nhỏ đến cảm hứng chủ đạo trong thơ Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI.

1.2. Đời sống thơ ca mười năm đầu thế kỷ XXI

1.2.1. Cách tân là vấn đề cấp thiết của thơ ca

Có một nghịch lý trong thơ hiện nay là số lượng người viết thì đông lên, đông như chưa từng có, còn người đọc thì giảm đi trông thấy, trên rất nhiều chỉ số. Dường như người làm thơ và người đọc thơ hôm nay ít có tiếng nói chung. Mặt khác, thơ cũng đang bị lép vế trước những phương tiện nghe nhìn ngày càng hiện đại, công chúng có ít thời gian dành cho thơ. Cách tân thơ không chỉ là đòi hỏi từ thực tiễn đời sống mà còn từ chính nhu cầu nội tại của thơ. Thơ là một nghệ thuật mà nghệ thuật đồng nghĩa với sự sáng tạo. Thế nhưng lối viết theo kiểu thơ Mới ra đời cách đây gần một thế kỷ vẫn còn ảnh hưởng đến tận bây giờ, thậm chí có nhà thơ còn cho rằng thơ hiện nay chỉ là vệt kéo dài của thơ Mới. Thơ cần phải tự đổi mới. Bên cạnh đó, sự phát triển của lực lượng sáng tác, sự ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật hiện đại như hiện sinh, siêu thực, hậu hiện đại... cũng tạo tiền đề cho cuộc cách tân thi ca.

1.2.2. Phong trào cách tân và cuộc cách mạng thơ chưa thành

Sang thế kỷ XXI, nhiều trào lưu, khuynh hướng sáng tác thơ ra đời làm không khí thơ trở nên sôi động. Có thể kể đến các trào lưu tiêu biểu sau đây:

Thơ tân hình thức (new formalism poetry), là phong trào thơ do Khê Iêm khai sinh ở Mỹ vào năm 2000 (chủ yếu đăng ở Tạp chí *Thơ*, Hoa Kỳ), truyền bá sang Việt Nam, được các thi sĩ không chính lưu ở Sài Gòn tích cực hưởng ứng, tạo không khí thơ sôi động một thời. Tân hình thức trong thơ Việt có những đặc tính chính: *cách nói thông thường, vắt dòng, kỹ thuật lặp lại và tính truyện*. Mặc dù các nhà thơ Tân hình thức có khát vọng thành thật muốn “đổi gác” thơ Việt nhưng thực tế cho thấy số các tác phẩm có giá trị của họ này không nhiều, nhiều tác phẩm chỉ là sự tiếp thu sơ sài, tùy tiện thi pháp New Formalism.

Thơ nữ quyền luận, từ sau Đổi mới (1986), thơ nữ quyền đã xuất hiện với các sáng tác của Dư Thị Hoàn, Thảo Phương, Phạm Thị Ngọc Liên, Lê Khánh Mai, cùng vài tên tuổi khác. Tuy vậy, nó vẫn còn khá mờ nhạt và bị lẫn với thơ hậu lãng mạn. Phải đợi đến nhóm Ngựa Trời xuất hiện tại Sài Gòn bằng tập thơ *Dự báo phi thời tiết* (2005), vấn đề nữ quyền trong văn chương mới hiện lộ rõ hơn. Nhưng sau sự kiện tập thơ đầu tay *Dự báo phi thời tiết* bị thu hồi, cuộc cách mạng nữ quyền của họ đành dang dở. Gần đây trên văn đàn xuất hiện tên tuổi Đoàn Minh Châu, tác giả nữ được xem là mang yếu tố nữ quyền nhất trong

các khuôn mặt mới. Ngoài thơ của các tác giả kể trên, xu hướng nữ quyền xuất hiện nhiều trong thơ của một số tác giả nữ khác như Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Trang Thanh ...

Thơ thị giác (visual poetry) trong đó *thơ trình diễn (poetry performance)* là một nhánh nổi bật. Thơ thị giác kết hợp thơ với ảnh chụp, với hình vẽ, video... đã được Đinh Linh, Đỗ Kh., Tam Lê, Lê Văn Tài, Như Huy... thực hiện từ vài năm trước nhưng không gây được nhiều chú ý. Mãi năm 2005, Hà Nội mới biết đến loại hình nghệ thuật mới này qua chương trình *Chiều buồn đây những tiếng thở dài* của nhà thơ Dương Tường tại L'Espace (Trung tâm Văn hóa Pháp). Chỉ từ năm 2007, với sự hỗ trợ đặc lực của Hội đồng Anh, sau đó là Trung tâm văn hóa Pháp, thơ trình diễn mới rộ lên với những tên tuổi như Nguyễn Vĩnh Tiến, Dạ Thảo Phương, Vi Thùy Linh, Trương Quế Chi, Ly Hoàng Ly,... Thế nhưng, tìm đâu sợi dây kết liên giữa nhà thơ trình diễn và khán giả để tương tác trùng tiết tạo hiệu quả nghệ thuật cao thì vẫn chưa có câu trả lời. Không ít lần mối liên kết giữa người trình diễn – tác phẩm thơ – khán giả không được liền lạc.

Thơ hậu hiện đại là trào lưu thơ bắt đầu từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX. Đây là loại thơ chịu ảnh hưởng từ quan điểm mỹ học hậu hiện đại. Quan điểm mỹ học này mang những đặc điểm như: xoá nhòa ranh giới giữa nghệ thuật và đời sống thường ngày; phá bỏ những giai tầng văn hoá quý phái và văn hoá đại chúng; phủ nhận tính chất nguyên thủy của một tác phẩm nghệ thuật... Với tư tưởng như thế, thơ hậu hiện đại cũng có những ưu điểm riêng của nó như: đề cao tính dân chủ trong văn học, khuyến khích khả năng sáng tạo không giới hạn của nghệ sĩ, tăng cường sự sáng tạo trong tiếp nhận của độc giả. Nhưng có một thực tế là không ít người đã tiếp thu một cách sống sượng, máy móc chủ nghĩa hậu hiện đại. Lấy cớ giải trung tâm, giải cấu trúc, phân mảnh, xoá nhòa nghệ thuật và cuộc sống thường ngày, họ đã viết những tác phẩm mà ngôn từ, hình ảnh chẳng ăn nhập gì với nhau; hoặc có khi lạm dụng ngôn ngữ đời thường, tục tĩu gây phản cảm ở người đọc.

Bên cạnh những trào lưu, xu hướng kể trên tồn tại một thế hệ những nhà thơ trẻ, dù ít nhiều ảnh hưởng của thi pháp này hay khuynh hướng kia, dù có quen biết và có quan tâm đến sáng tác của nhau nhưng hầu hết đều độc lập khai

phá con đường riêng của mình, với một mục đích chung cuối cùng: mang sinh khí của sáng tạo và thử nghiệm để góp phần hiện đại hóa thơ Việt.

Các trào lưu thơ đầu thế kỷ XXI đã đem lại cho thơ một bộ mặt phong phú, đa dạng. Mỗi trào lưu đều tạo ra được những cách tân có giá trị và những tác phẩm được người đọc công nhận. Tuy vậy số bài hay chưa nhiều. Nhìn chung tình hình thơ Việt đầu thế kỷ XXI, dù ở bề nổi có những ồn ào nhưng chưa có một cuộc cách mạng thơ thực sự.

1.3. Những cảm hứng chính của thơ mười năm đầu thế kỷ XXI

1.3.1. Cảm hứng sử thi

Khái niệm cảm hứng sử thi được hiểu là *những tình cảm, cảm xúc tự hào, ngợi ca của tác giả về những vấn đề lớn lao quyết định vận mệnh chung, những nhân vật kết tinh sức mạnh, phẩm chất của cộng đồng*. Trong thơ mười năm đầu thế kỷ XXI, chúng tôi nhận thấy cảm hứng sử thi vẫn tồn tại nhưng chiếm vị trí không nhiều. Khảo sát tuyển tập *Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI*, số lượng bài thơ viết theo cảm hứng sử thi là 8/ 457 chiếm $\approx 1,8\%$. Cảm hứng sử thi xuất hiện trong những trường ca có khuynh hướng tổng kết hành trình của một thế hệ từng trải qua kháng chiến và trong những bài thơ ngợi ca truyền thống anh hùng của dân tộc.

1.3.2. Cảm hứng thế sự

Nói đến cảm hứng thế sự là nói đến cảm hứng về cuộc sống đời thường, về con người của thực tại. Những tác phẩm mang cảm hứng thế sự thường hướng đến sinh hoạt hàng ngày của con người, chú ý khẳng định giá trị thẩm mỹ của cái đời thường, khám phá mọi phức tạp, éo le và cả cái cao quý trên hành trình đi tìm sự sống và hạnh phúc của con người. Khảo sát tuyển tập *Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI*, chúng tôi thấy số lượng tác phẩm mang cảm hứng thế sự là 261/457, chiếm 57,1%. Dòng thơ trữ tình thế sự một mặt tiếp tục những đề tài quen thuộc như nỗi đau chiến tranh, tình trạng tha hoá về nhân cách, nghèo đói và suy thoái, thể thái nhân tình. Bên cạnh đó dòng thơ thế sự hiện nay cũng quan tâm đến những vấn đề mới như niềm tin vào cuộc đời, những trăn trở về thơ ca... Đặc biệt, hướng tới kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, cảm hứng về thủ đô ngàn năm văn hiến chiếm một vị trí đáng kể trong dòng thơ trữ tình thế sự thời kì này.

1.3.3. Cảm hứng đời tư

Cảm hứng đời tư là cảm hứng về con người cá nhân. Cảm hứng đời tư hướng đến đời sống tinh thần phong phú, phức tạp của con người với những ham mê, dục vọng thường tình, những khắc khoải về số phận, những cảm xúc gần gũi, đời thường. Theo khảo sát của chúng tôi trong tuyển *Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI*, số tác phẩm thuộc thể tài đời tư là 188/457 chiếm tỉ lệ 41,1%. Dòng thơ đời tư hiện nay vẫn tập trung vào những chủ đề mà thơ ca cuối thế kỉ XX rất quan tâm như sự khẳng định cái tôi cá tính, tình yêu, tình cảm gia đình. Riêng chủ đề tâm linh đã có một bước tiến dài so với thơ giai đoạn trước đó.

Từ những điều đã trình bày ở trên có thể kết luận cảm hứng thế sự và đời tư tiếp tục là hai dòng cảm hứng chủ đạo trong thơ Việt Nam đầu thế kỷ XXI.

Chương 2. CẢM HỨNG THẾ SỰ, ĐỜI TƯ TRONG THƠ VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XXI

2.1. Cảm hứng thế sự trong thơ Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI

2.1.1. Ký ức chiến tranh vẫn còn ám ảnh

Bước sang thế kỷ mới, đất nước hội nhập với thế giới, cuộc sống hiện đại gấp gáp xô bồ, người ta tưởng sẽ quên đi kí ức chiến tranh. Nhưng quên đi nỗi đau là điều không dễ. Tiếp nối cảm hứng sự thật của thơ sau 1975, thơ đương đại cũng nói về chiến tranh ở khía cạnh mất mát, đau thương. Độc lập dân tộc phải đổi bằng máu của hàng triệu người lính đã hy sinh trên chiến trường (*Viết ở thành cổ Quảng Trị* - Nguyễn Tùng Linh, *Về Trường Sơn* - Phùng Ngọc Hùng, *Buổi sáng ra vườn nghe mưa ký ức* - Hoàng Quý...). Viết về chiến tranh thơ hôm nay cũng nhắc đến nỗi đau của những người vợ, người yêu ở hậu phương (*Ngày giỗ cha* - Đỗ Trọng Khơi), *Lời thề mùa đông* - Bùi Hoàng Tám...). Thơ viết về chiến tranh hiện nay là vệt kéo dài của thơ thời hậu chiến; về nội dung, nghệ thuật không có gì mới, nhưng vẫn làm xúc động người đọc bởi những trải nghiệm rất thật của các tác giả từng là người lính trên chiến trường.

2.1.2. Thơ mở rộng phản ánh các hiện trạng xã hội trên bình diện đạo đức

Thơ hôm nay giàu tính thời sự hơn trước. Trước đây có người than phiền rằng thơ nói quá nhiều đến cái nhỏ bé, vụn vặt, trong khi còn bao nhiêu điều lớn lao thì không nói đến. Thơ hiện nay dường như muốn khắc phục những “lệch lạc” đó. Thơ phản ánh những vấn đề của cả nhân loại như sự tồn vong của trái đất trước hiện trạng ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái trầm trọng (*Giấc ngủ màu xanh* - Lương Tử Đức *Trò chuyện với Thượng Đế* - Trần Ninh Hồ, *Nhớ tiếng mèo gõ vắng* - Ngô Xuân Hội...) Viết về hiện thực đất nước, các nhà thơ hiện nay đặc biệt chú ý đến việc phơi bày những mặt trái của xã hội hiện đại. Tha hóa nhân cách là điều mà các nhà thơ hiện nay day dứt nhất khi suy nghĩ về thế sự, nhân sinh (*Vách đá* - Lê Quốc Hán, *Đã có sai lầm ở đâu đó* - Đinh Thị Như Thúy, *Quên lãng* - Nguyễn Tấn Việt...).

Trước tình trạng xã hội có nhiều khiếm khuyết, suy thoái, băng hoại về môi trường, nhân cách đòi hỏi phải kiếm tìm những giá trị đạo đức mang tính thời sự. Thơ hôm nay đặt ra vấn đề ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với cuộc đời, kêu gọi lòng nhân ái của con người. Thơ đồng cảm, xót thương cho những số phận bất hạnh, những em bé sơ sinh bị bỏ rơi, những em bé đánh giầy, những cụ già bom xe, những cô gái bán mình làm vợ xú người. Thơ còn giành sự cảm thông sâu sắc đối với những danh nhân văn hóa, những tài năng có phận bi kịch qua đó thể hiện những nhận thức sâu sắc về nhân sinh, nghệ thuật. Thơ cảm thương với những nhân vật văn học như Mị Châu, Thúy Kiều... qua đó nói lên sự xót xa với những nỗi đau của con người trong mọi thời đại.

2.1.3. Niềm tin vào những điều tốt đẹp

Bên cạnh việc phản ánh những vấn đề có tính thời sự đầy nhức nhối, thơ cũng đồng thời phản ánh niềm tin vào cuộc sống. Đây là một điểm khác với thơ giai đoạn 1975 - 2000. Trong thơ 1975 - 2000, các nhà thơ nói nhiều đến khủng hoảng vì mất niềm tin. Nhưng sau gần 30 năm, thời gian đã chứng minh: xã hội dù có nhiều đổi thay nhưng vẫn có những giá trị tinh thần bền vững không thay đổi đó là lòng nhân ái, hướng thiện và niềm tin yêu vào cuộc đời. Thơ hôm nay nhắc nhiều đến tư tưởng nhà Phật với niềm tin tư tưởng từ bi, bác ái của Phật giáo sẽ giúp con người trở về với bản nguyên tốt đẹp (*Những ngôi chùa trong đêm* - Nguyễn Việt Chiến, *Nhập thiền* - Lê Quang Trang, *Độc Phật* - Nguyễn Văn Hùng). Trong thơ hôm nay, ta cũng thấy xuất hiện giọng điệu lạc quan, tin

tưởng vào cuộc đời, tin tưởng vào tương lai đất nước. Một dây bầu xanh nở hoa trên bức tường mảnh chai như biểu tượng về sự bất diệt của sự sống. (*Dây bầu và bức tường mảnh chai* - Trần Thị Nương); một tiếng chim ca, một mầm xanh hé mở tạo cho con người niềm tin vào tương lai (*Cảm nhận 09* - Nguyễn Bao). Có được giọng điệu lạc quan, tin tưởng ấy trong thơ hiện nay là nhờ những thành công bước đầu về kinh tế - xã hội của đất nước trong công cuộc đổi mới.

2.1.4. Trở về với các giá trị truyền thống

2.1.4.1. Nâng niu, gìn giữ các di sản văn hoá dân tộc

Giao lưu, hội nhập quốc tế càng mở rộng thì nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc càng lớn. Với trách nhiệm công dân, các nhà thơ đương đại hướng về văn hoá dân tộc với thái độ nâng niu, trân trọng. Một giọng ca trù, một câu vọng cổ, một giai điệu đàn bầu hay giai điệu tam thập lục... đều làm tâm hồn con người rung rung xúc động (*Đêm nghe dạ cổ hoài lang trên Tam Đảo* - Trịnh Bửu Hoài, *45 khúc đàn bầu* - Trần Nhuận Minh, *Đêm nghe hát ca trù ở văn miếu* - Lam Uyên...). Tìm về với văn hóa dân tộc, con người ngày nay cảm nhận được hồn xưa đất nước và thêm một lần chiêm nghiệm, nhận thức về bản thân mình. Viết về văn hóa dân tộc, các nhà thơ đã làm sống dậy các giá trị nhân văn cao cả trong các di sản văn hóa đó (*Hoàn chiêm* - Đinh Năng Lượng, *Đêm trong làng* - Nguyễn Quang Hưng). Nâng niu, gìn giữ các giá trị văn hóa trong thời đại hội nhập quốc tế là cách để dân tộc hòa nhập mà không hòa tan với thế giới và để thực hiện đường lối của Đảng về xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

2.1.4.2. Thiên nhiên - nơi nuôi dưỡng tâm hồn con người

Trong xã hội hiện nay, con người chú ý tới thiên nhiên như một phút lặng, phút hồi tưởng, phút lãng quên mọi ưu tư trong nhịp sống ồn ào, vội vã của dòng chảy cuộc đời, để hướng tới cái cao đẹp, cái thanh khiết, chất thơ của đời sống. Đây không phải là sự thoát ly, chạy trốn mà là một cấu trúc khác về quan hệ với thiên nhiên, là sự trở về giá trị vĩnh cửu, thân quen của tự nhiên, là ý thức về môi trường sinh thái. Trong thơ hôm nay ta thường bắt gặp những khao khát được sống trong thiên nhiên, hòa mình vào thiên nhiên (*Lối ngõ thơ ngây* - Đinh Hải). Trở về với thiên nhiên là trở về với bản chất hồn nhiên nguyên thủy, trở về với tuổi thơ (*Miền em* - Trương Nam Hương, *Hoa mướp lặng im* - Bùi

Văn Kha,...). Trở về thiên nhiên, con người lắng nghe được những tiếng nói sâu thẳm của thiên nhiên với niềm tin thiêng liêng: vạn vật hữu linh (*Những chiếc lá ngô trên bãi sông Hồng* - Mai Thìn). Trò chuyện với vạn vật là trạng thái hòa nhập vào thiên nhiên tuyệt đối nhất. Qua trò chuyện, con người muốn hướng tới sự giao hòa, đồng cảm với thiên nhiên (*Hát với chú cua đồng* - Phan Việt Đức, *Trước sen* - Đặng Huy Giang). Khi hòa mình vào thiên nhiên, các giác quan của con người được khai sinh thêm lần nữa, tâm hồn con người thêm một lần phục sinh (*Sinh* - Đỗ Doãn Phương, *Khai sinh* - Phan Quốc Bình).

2.1.4.3. Quê hương - đích đến của mọi sự trở về

Trong thơ hiện nay, trở về quê hương như là tìm nơi bình yên cho tâm hồn tránh xa vòng xoáy của những vụ lợi, toan tính. Chỉ cần đặt chân lên con đường quen thuộc, con người đã cảm nhận được ngay cảm giác bình yên (*Ra khỏi hoàng hôn* - Ngô Kim Đình, *Chợ của muôn đời* - Phạm Thái Quỳnh,...). Quê hương là nơi nuôi dưỡng con người lúc nhỏ, từ miền quê đó con người đi tới những chân trời mới, thế nhưng mỗi khi vấp ngã hoặc mỗi mệt trên đường đời lại quay về tìm nguồn an ủi ở quê hương. Quê hương nghĩa nặng, tình sâu cho nên dù đi đâu ai cũng mang trong mình hình bóng quê nhà (*Bóng làng* - Ngô Hà Phương, *Cỏ may trên sân thượng* - Nguyễn Trọng Tạo).

2.1.5. Hà Nội - kinh đô văn hiến nghìn năm

Có hai gương mặt Hà Nội trong thơ hôm nay, một Hà Nội đang trong quá trình đô thị hóa và một Hà Nội với chiều sâu lịch sử, văn hiến. Ở gương mặt thứ nhất, Hà Nội hiện lên với bao bộn bề, ngổn ngang cùng với những mặt trái của nền kinh tế thị trường như môi trường bị huỷ hoại (*Hai khúc sông Tô* - Phạm Công Trứ, *Có một sớm sông Hồng* - Hà Văn Thê); đạo đức con người bị xuống cấp (*Nỗi buồn đô thị* - Nguyễn Trác). Các nhà thơ nói về mặt trái của cuộc sống đô thị ở Hà Nội không phải với mục đích phê phán mà xuất phát từ tình yêu tha thiết với kinh đô ngàn năm văn hiến, xuất phát từ trách nhiệm phải giữ gìn những giá trị lịch sử, văn hóa thiêng liêng của Thủ đô. Ở gương mặt thứ hai, Hà Nội là mảnh đất linh thiêng, là niềm tự hào của mọi người con đất Việt. Nơi đây là xứ sở của những huyền thoại là xứ sở của thơ ca nhạc họa (*Thăng Long* - Đỗ Trung Lai, *Đáy hồ có quả chuông vàng* - Đinh Quang Tồn, *Một thoáng Tây Hồ* - Trần Ngọc Hương, *Hà Nội của tôi một thuở* - Nguyễn

Hiếu,...). Với vẻ đẹp cổ kính và diễm lệ, với chiều sâu lịch sử, văn hiến, Hà Nội đã đi vào trái tim của bao người. Nhiều người trong số đó không sinh ra, không lớn lên ở Hà Nội, nhưng đã nảy sinh tình yêu tha thiết với mảnh đất giàu truyền thống lịch sử văn hóa này (*Tôi không sinh ra ở Hà Nội* - Phạm Minh Trị, *Hà Nội* - Nguyễn Phan Quế Mai). Hà Nội là trái tim của Tổ quốc, tình yêu Hà Nội là một phần của tình yêu Tổ quốc. Sự nở rộ thơ ca viết về Hà Nội vào thời điểm thủ đô một nghìn năm tuổi đã chứng tỏ lòng yêu nước, tự hào dân tộc là một tình cảm luôn luôn thường trực trong mỗi người dân Việt Nam.

2.1.6. Những suy ngẫm về thơ ca

Trong khi suy ngẫm về các vấn đề thế sự, các nhà thơ không thể không suy ngẫm về thơ ca, nhất là khi thơ đang lâm vào tình cảnh ngặt nghèo như hiện nay. Cuộc sống liệu có cần đến thơ nữa không, khi độc giả không còn mặn mà với thơ như trước? Câu trả lời là có, bởi lẽ thơ trước hết là nghệ thuật làm đẹp cuộc đời và làm thơ còn để thỏa mãn nhu cầu muốn bộc lộ, sẻ chia tâm hồn mình với mọi người (*Dối* - Nguyễn Thị Hồng Ngát). Cuộc đời vẫn cần đến thơ, nhưng phải là thơ hay, thơ phải chạm đến và làm rung động tâm hồn của con người (*Những con chữ nhảy lò cò* - Lê Hưng Tiến). Thơ phải hướng con người đến sự cao cả (*Thơ hay có cần phải chết* - Bằng Việt), phải luôn luôn sáng tạo (*Đệ nhất Tổ phái Trúc Lâm giảng thiền* - Bằng Việt). Để có được những thi phẩm như thế, nhà thơ phải là người lao động miệt mài và đôi khi phải có tư tưởng đi trước thời đại (*Ong* - Lê Duy Phương, *Nhà thơ* - Nguyễn Quang Thiều,...).

Với cảm hứng chủ đạo là cảm hứng thế sự, thơ Việt Nam đã mở rộng phạm vi phản ánh hiện thực đời sống, tính dân chủ trong thơ được đề cao, qua đó cũng thể hiện trách nhiệm công dân của nhà thơ trước những vấn đề có tính thời sự.

2.2. Cảm hứng đời tư trong thơ Việt Nam mười năm đầu thế kỷ XXI

2.2.1. Nhu cầu thể hiện cái tôi

2.2.1.1. Tiếp tục khẳng định cái tôi cá tính.

Con người cá tính hiện nay đang được khẳng định như một giá trị. Đó là nhu cầu ý thức về mình, xác định chỗ đứng của mình trước thế giới và trong các quan hệ xã hội, cá nhân. Hiện tượng lấy tên mình đặt cho một bài thơ, một tập

thơ không còn là hiếm như một cách khẳng định cái tôi ngay từ tiêu đề tác phẩm (*Trang Thanh* - Trang Thanh, *Vili in love* - Vi Thùy Linh...). Con người ngày nay có khát vọng tạo dựng một chân dung riêng biệt của mình trong thơ. Đó có thể là chân dung ngoại hình (*Trang Thanh* - Trang Thanh), nhưng quan trọng hơn cả vẫn là chân dung tinh thần. Con người cá tính dám làm và dám chịu trách nhiệm về những việc đã làm, dù có thất bại nhưng luôn tỏ ra kiêu hãnh (*Tâm khúc* - Lê Khánh Mai, *Nước mắt ngọt* - Đàm Thị Lam Luyên). Trong thơ hôm nay chúng ta còn gặp những lời tự bạch của con người chơi như một cách khẳng định cá tính. Con người chơi ở đây được hiểu là con người có lối sống tự do, phóng khoáng, thích rong chơi không vướng bận với đời. Con người chơi hiện nay không ở tư thế đối lập với hoàn cảnh, môi trường sống mà ở tư thế vượt lên hoàn cảnh, đạt đến độ ung dung, tự tại (*Tự tại* - Phạm Văn Đoan). Chơi đối với họ vừa để khẳng định cá tính riêng không giống ai, vừa để khám phá những vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống (*Dạ ca* - Trương Thị Kim Dung). Khát vọng khẳng định cái tôi cá tính còn thể hiện ở chỗ mỗi nhà thơ đều cố gắng tìm cho mình một phong cách riêng, giọng điệu riêng, đặc biệt là ở các nhà thơ trẻ như Nguyễn Quang Hưng, Thụy Anh, Lữ Thị Mai, Điệp Giang, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly...

2.2.1.2. Nỗi ám ảnh thân phận

Tìm kiếm bản ngã ở chiều sâu, cái tôi trữ tình không tránh khỏi những nỗi buồn. Đối diện với chính mình, với cõi đời bao la rộng lớn, cái tôi ý thức được sự hữu hạn của kiếp người và những biến đổi thăng trầm của cuộc sống, ý thức về sự trôi chảy của thời gian, sự bất lực của tuổi già... nên buồn và cô đơn. Hay nói một cách khác, buồn và cô đơn là nỗi ám ảnh thân phận của chủ thể trữ tình, nó gắn với sự tan vỡ của giấc mơ, sự bất lực trước những đòi hỏi tất yếu, trước sự tha hóa của những giá trị đời sống không gì ngăn cản nổi; nó cũng gắn với sự tự ý thức về cái khó chia sẻ khi một mình đối diện với nỗi đau, đặc biệt là nỗi đau tinh thần. Đó là nội dung của những tác phẩm như *Trà nguội* - Đặng Thị Thanh Hương, *Bay lặng im* - Trang Thanh, *Giữa cố đô khôn cùng* - Lê Nguyên Ngữ... Để diễn tả nỗi cô đơn, các nhà thơ hay dùng mô típ một mình lang thang, lạc lõng (*Những mảnh vỡ* - Bùi Sim Sim); hoặc mô típ đối thoại với bóng mình (*Bạn với bóng mình* - Thu Nguyệt, *Độc thoại* - Vũ Thị Khương). Nỗi ám ảnh

thân phận của con người thời nay còn thể hiện qua những cảm nhận về thời gian. Cảm nhận chung của con người thời nay là thời gian không ngừng chảy trôi, ranh giới giữa trẻ và già, còn và mất chỉ là tích tắc và không gì có thể chống lại sức tàn phá của thời gian (*Thời gian* - Phạm Quốc Ca, *Tích tắc* - Vũ Tù Trang, *Rời bỏ* - Nguyễn Bình Phương).

2.2.2. Tình yêu là đề tài vĩnh cửu

Tình yêu là đề tài muôn thuở của thơ ca bởi lẽ con người thời nào cũng có nhu cầu yêu và được yêu. Thơ tình hiện nay mang đậm cá tính của con người hiện đại. Trong tình yêu, con người ngày nay có một tâm thế rất chủ động. Họ không muốn dừng lại ở những yêu thương, hờn ghen thông thường mà khao khát kiếm tìm một tình yêu tuyệt đích (*Bùa khèn* - Thụy Anh, *Sẽ về thu Hà Nội* - Nguyễn Hữu Hà, *Bay về phía mặt trời* - Trần Thị Nương, *Yêu ở Rome* - Vi Thùy Linh...). Có thể nói tìm kiếm tình yêu tuyệt đích cũng là một cách khẳng định cái tôi cá tính của con người hiện đại. Con người cá tính luôn muốn đi đến tận cùng mọi cảm xúc, cảm giác, đi đến tận cùng mọi đam mê cho dù có phải trả giá cũng không hề hối tiếc.

Thật thiếu sót nếu nói đến thơ tình hiện nay mà không nhắc đến vấn đề tính dục (sex). Sự xuất hiện và phát triển của đề tài tính dục trong văn chương hiện nay là hệ quả tất yếu trong tiến trình phát triển của văn học nước nhà sau một thời kỳ rất dài tình dục bị xem là một vùng cấm. Nếu vấn đề tính dục được khai thác ở mức độ hợp lý thì nó có thể tạo nên những rung động thẩm mỹ; còn nếu quá lạm dụng đến mức sống sượng thì nó sẽ trở nên thô thiển, dung tục.

2.2.3. Tình cảm gia đình

Tình cảm với những người thân trong gia đình là tình cảm khởi nguồn mọi tình cảm khác. Đầu tiên con người phải biết yêu mẹ, yêu cha, yêu anh, yêu em rồi từ đó mở rộng ra yêu làng xóm, yêu quê hương, yêu Tổ quốc. Bởi vậy, tình cảm gia đình là tình cảm nhân bản nhất trong con người. Trong thơ đương đại có rất nhiều bài thơ xúc động nói về tình cảm với những người thân ruột thịt như tình cảm với người cha (*Vắng cha* - Thanh Yên, *Đất lành* - Lê Đình Cánh), người bà (*Thời nắng xanh* - Trương Nam Hương), người dì (*Dì tôi* - Nguyễn Hữu Hà), người chị (*Lời thề mùa đông* - Bùi Hoàng Tám), đặc biệt là tình cảm dành cho người mẹ (*Gánh* - Nguyễn Phan Hách, *Phía nào cũng gió* - Ngô Kim

Huy, *Thơ tặng mẹ ngày cuối năm, Bàn tay* - Hà Linh...). Điều này chứng tỏ tình cảm gia đình mà biểu hiện cụ thể của nó là tình yêu thương sâu nặng với những người thân thiết ruột thịt là một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt Nam.

2.2.4. Thế giới tâm linh

Đi sâu vào thế giới nội tâm của con người, tất yếu đến một lúc nào đó thơ sẽ chạm đến thế giới tâm linh. Khái niệm tâm linh thường được hiểu như cuộc sống tinh thần đầy bí ẩn đối lập với ý thức kiểu lý tính thuần túy. Những chuyến đi kỳ vĩ hướng về miền tâm linh đã mở ra trong thơ Nguyễn Quang Thiều một không gian nghệ thuật đầy hư ảo và vẻ đẹp của cuộc sống được ánh lên màu sắc huyền thoại, có thể thấy rõ điều đó qua các bài thơ *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc, Gọi hồn, Sấm hối, Điều thiêng, Lời cầu nguyện, Thánh ca tĩnh lặng ...* Miền tâm linh cũng là thế giới chủ yếu trong thơ Mai Văn Phấn. Đó là một thế giới đầy bí ẩn được tạo nên chủ yếu bởi những linh giác, trực giác. Mai Văn Phấn có một niềm tin mãnh liệt vào sự tồn tại của thế giới linh hồn và sự giao cảm giữa người sống và người chết (*Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ, Tắm đầu năm*). Đi vào thế giới tâm linh của con người, thơ đề cập đến những ảo giác (*Ảo giác 1 – Tuyệt Nga*), đến niềm tin tôn giáo (*Những ngôi chùa trong đêm - Nguyễn Việt Chiến, Nhập thiên - Lê Quang Trang*). Khi mở rộng đến thế giới tâm linh của con người, thơ đạt đến chiều sâu nhân bản mới.

Chương 3. PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN TRONG THƠ VIỆT NAM MƯỜI NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Hình thức thơ bao gồm thể thơ, câu thơ, ngôn ngữ, giọng điệu, hình ảnh... Hình thức thơ còn là một cảm quan nghệ thuật, một hệ thống bộc lộ điểm nhìn mang tính mỹ học về mối quan hệ thơ và đời sống của một cái tôi trữ tình cụ thể. Khi nội dung trữ tình của thơ thay đổi thì hình thức cũng biến đổi theo để phù hợp, tương ứng với nội dung đó. Các nhà thơ hiện nay đang không ngừng tìm kiếm những biến đổi về hình thức phù hợp với nội dung thế sự, đời tư trong thơ ca thời kỳ này.

3.1. Thể loại

Thể loại là “dạng thức của tác phẩm văn học, được hình thành và tồn tại tương đối ổn định trong quá trình phát triển lịch sử của văn học, thể hiện ở sự giống nhau về cách thức tổ chức tác phẩm, về đặc điểm của các loại hiện tượng đời sống được miêu tả và về tính chất của mối quan hệ của nhà văn đối với các hiện tượng đời sống ấy”. Qua việc khảo sát thống kê tuyển tập *Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI*, chúng tôi thấy về mặt thể loại, thơ trữ tình Việt Nam một mặt vẫn duy trì các thể thơ truyền thống, mặt khác đang có sự vận động mạnh mẽ theo hướng tự do hóa.

3.1.1. Duy trì các thể thơ truyền thống

3.1.1.1. Dòng chảy của thơ lục bát

Trở về với quê hương, với văn hóa truyền thống, các nhà thơ hiện nay tìm thấy ở lục bát một hình thức tương thích. Nói về tình yêu với ca dao, còn gì hợp lý hơn khi sử dụng chính thể thơ phổ biến nhất của ca dao ” (*Người và ta* - Hồ Thủy Giang). Nói về tình cảm tha thiết với văn hóa truyền thống, với quê hương xứ sở cũng không có thể nào phù hợp hơn lục bát (*Rét xứ Đoài* - Lê Đình Cánh, *Ếch kêu trong phố* - Trần Thị Thu Huệ). Thể lục bát với âm điệu du dương, ngọt ngào còn thích hợp để diễn tả đời sống tình cảm âm thầm mà mãnh liệt của con người, đặc biệt là diễn tả nỗi buồn. (*Với núi* - Thu Nguyệt) Nhưng khả năng của lục bát không chỉ có thế. Lục bát hiện đại đã không ngừng biến thể để phù hợp với mọi nội dung cần thể hiện như không giữ nguyên cấu trúc trên 6 dưới 8, đa dạng cách ngắt nhịp, phá bỏ quy tắc hiệp vần... (*Về đi thôi gió* - Lê Huy Quang, *Như* - Nguyễn Ngọc Ký, *Một lời* - Hữu Thịnh,...). Với những cách tân như vậy và với những khả năng biểu đạt to lớn như vậy, chắc chắn lục bát sẽ còn có sức sống lâu bền trong thơ ca Việt Nam đương đại.

3.1.1.2. Thơ ngũ ngôn, thất ngôn và thơ tám chữ

Thơ ngũ ngôn, thất ngôn và thơ tám chữ dù không phổ biến nhưng vẫn tồn tại như một phần không thể thiếu trong đời sống thể loại thơ đương đại. Thơ ngũ ngôn truyền thống được sử dụng nguyên vẹn, có rất ít biến thể. Theo khảo sát của chúng tôi, 22 bài thơ ngũ ngôn trong tuyển tập *Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI*, chỉ có 01 bài duy nhất thuộc dạng biến thể. Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt mang vẻ đẹp trang trọng, hàm súc của thơ cổ điển (*Viết ở Yaly* - Định Hải). Còn thơ ngũ ngôn trường thiên phù hợp với những bài thơ có giọng điệu chủ yếu là

giọng tự sự như *Hoàn Kiếm hồ* - Nguyễn Việt Chiến, *Mưa phía La Thành* - Ngọc Bái, *Thị xã còn tất cả* - Nguyễn Thị Mai... Nếu thơ ngũ ngôn rất ít biến thể thì thơ thất ngôn và thơ tám chữ hầu như lại được sử dụng dưới dạng biến thể. Theo khảo sát của chúng tôi trong tuyển tập *Thơ mười năm đầu thế kỉ XXI*, trong số 18 bài thơ thất ngôn có tới 12 bài là biến thể; trong số 35 bài thơ tám chữ có tới 33 bài là biến thể. Các biến thể của hai thể thơ này rất phong phú. Có khi là sự chia nhỏ các dòng thơ theo lối bậc thang, có khi là sự co, giãn câu thơ một cách đột ngột theo cung bậc của cảm xúc, có khi ở việc không viết hoa ở đầu mỗi dòng thơ, ở cách ngắt nhịp tự do theo cảm xúc... (*Tạm biệt Sài Gòn* - Bùi Sim Sim, *Người thứ ba* - Nguyễn Thị Thanh Nga,...)

Thơ biến thể chiếm ưu thế là một tất yếu trước sự bộn bề của hiện thực và cảm xúc. Các nhà thơ dù có nặng lòng với các thể thơ truyền thống cũng thể giữ nguyên vẹn những thể thơ này. Biến thể thơ truyền thống cũng là dấu hiệu của khuynh hướng tự do hóa thơ hiện nay

3.1.2. Tự do hoá hình thức thơ

Sự phá vỡ những khuôn khổ, hình thức quen thuộc, chối bỏ những kinh nghiệm thơ ca truyền thống luôn chứa đựng trong đó ý thức của nhà thơ về sự nảy sinh của những trạng thái tinh thần mới mà phương pháp cũ khó nắm bắt và diễn đạt xác đáng. Thái độ dứt khoát phủ định lại những khuôn phép cũ của các nhà thơ hôm nay chứa đựng trong đó sự dị ứng với sự sáo rỗng, cũ mòn, núp bóng truyền thống. Hệ quả tất yếu của thái độ đó là xu hướng tự do hóa hình thức thơ.

3.1.2.1. Thơ tự do

Kể từ sau chiến tranh, thơ tự do ngày càng chiếm vị trí chủ đạo trong thơ ca. Về bản chất, kiểu thơ này chống được nguy cơ sáo mòn về ngôn ngữ, sáo mòn về nhạc điệu, gây được ấn tượng mạnh mẽ. Thơ tự do không đồng nghĩa với tự do cho thơ. Không phải tự do về âm luật bằng cách văn xuôi hóa thơ, cũng không phải tự do biểu đạt hiện thực hay ý niệm bằng cách ném toàn bộ cái xô bồ hỗn độn của sự sống, kể cả những điều cấm kỵ như sex vào thơ. Thơ tự do được hiểu đúng nghĩa là sự giải thoát mọi ràng buộc của cái cũ, trong đó có ràng buộc về ngữ âm hoặc ngữ nghĩa. Có nghĩa là ngôn từ thi ca có khả năng tạo ra một hệ hình ngữ pháp âm thanh hoặc ngữ pháp ngữ nghĩa hoàn toàn mới.

Với quan niệm ấy, thành tựu đáng kể của thơ tự do đương đại thuộc về các nhà thơ trẻ như Nguyễn Quang Thiều, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh...

3.1.2.2. *Thơ văn xuôi*

Thơ văn xuôi là loại thơ trữ tình có cấu trúc giống văn xuôi, câu nọ tiếp câu kia không xuống dòng, gần như không vần, nhịp điệu không mang đầy đủ tính chất cố định, mạch câu chảy tràn không chịu ràng buộc nào, là sự dẫn ra của các hình thức thơ tự do, rất dạt dào tình ý và cảm xúc. Trong thời gian gần đây, thơ văn xuôi ngày càng chiếm vị trí quan trọng. Thơ văn xuôi là biểu hiện của việc đi tìm một cách thể hiện mới cho hình thức thơ đương đại với hai khuynh hướng: tìm kiếm một giọng điệu vừa phức tạp, vừa gai góc, lăm lí sự, nhiều chất nghĩ; bộc lộ cảm xúc ào ạt, mãnh liệt, gấp gáp, không điềm tĩnh mà say đắm, buông thả, không muốn bị ràng buộc bởi bất kỳ một niêm luật nào để giải phóng tối đa sự dạt dào của cảm xúc với lối kiến trúc bề thế, tầng lớp của hình ảnh, từ ngữ. Thơ văn xuôi tuy thoát ra ngoài qui tắc của vần luật nhưng vẫn ràng buộc bởi nhịp điệu (tiết tấu) và âm thanh (trầm bổng) của thơ, mà ta vẫn thường gọi là nhạc điệu. Nhờ vào tính chất đặc trưng đó mà phân biệt thơ văn xuôi (*thơ không vần biến cách*) với văn xuôi giàu “*chất thơ*”.

3.2. **Ngôn ngữ**

Thơ ca nói riêng và văn chương nói chung là nghệ thuật ngôn từ, một nghệ thuật dùng ngôn từ để khám phá và biểu hiện. Vậy thì muốn hiểu được, cảm thụ được nghệ thuật đó phải bắt đầu từ ngôn từ. Ngôn từ sẽ làm hiện lên vẻ đẹp hình thức, tư tưởng, tâm sự mà nhà thơ muốn gửi gắm vào đứa con tinh thần do chính họ tạo tác. Mỗi thời đại khác nhau thì ngôn ngữ thơ khác nhau bởi tư duy của con người không giống nhau giữa các thời đại. Sang thế kỷ XXI, có nhiều điều cần phải đặt ra và suy nghĩ lại trong ý thức tư duy mới nhằm hình thành và phát triển một cách nhìn mới, một cách hiểu mới. Xã hội có nhiều biến đổi, mọi suy nghĩ được giải phóng, mọi sản phẩm vật chất tinh thần được tăng cường với tốc độ lớn. Sáng tác thơ xét về kết quả thành tựu là phải có nhiều sản phẩm, nhiều tác phẩm. Quan niệm, châm ngôn “quý hồ tinh bất quý hồ đa” đã bị những tư duy năng động vượt qua. Ý nghĩ về thơ thay đổi, “nàng thơ” bây giờ hiện ra trong những “bộ cánh” có khi lộng lẫy, có lúc bình thường, lam lũ trong cuộc sống trần tục.

3.2.1. Ngôn ngữ đời thường, trần tục

Trong thơ đương đại, việc sử dụng ngôn ngữ đời thường, suồng sã không phải để phù hợp với lời ăn tiếng nói của nhân dân mà là do xuất phát từ điểm nhìn có tính chất dân chủ hoá, thể hiện cái nhìn của nhà thơ về đời sống, về quan niệm thẩm mỹ. Thơ không còn là địa hạt của những gì cao sang, thanh khiết, thơ gắn với cuộc sống đời thường, bởi vậy ngôn ngữ thơ cũng phải có cái lấm lem, trần tục. Việc gia tăng ngôn ngữ đời thường trong thơ hiện nay còn là hệ quả tất yếu của quá trình xâm nhập chất văn xuôi vào thơ. Chất văn xuôi biến ngôn ngữ thơ từ mượt mà, giàu nhạc tính thành ngôn ngữ kể, không giản lược, không ẩn dụ, không vần điệu. Khi ngôn ngữ đời thường được sử dụng một cách có chừng mực, đúng hoàn cảnh, nó đem lại những giá trị biểu đạt bất ngờ nhưng nếu lạm dụng thì sẽ trở nên dung tục, làm xấu xí hình ảnh của “nàng thơ”.

3.2.2. Ngôn ngữ trong sáng, giản dị

Loại ngôn ngữ này có truyền thống lâu dài trong thơ ca dân tộc. Đó là vẻ đẹp của ngôn ngữ ca dao, dân ca và thơ cổ điển. Loại ngôn ngữ này cũng đề cao tính sáng tạo nhưng không sa vào hiểm quái, cầu kỳ, lạ lẫm mà mang vẻ đẹp chau chuốt, dễ tiếp nhận. Trong thơ đương đại, ngôn ngữ giản dị, trong sáng thường được sử dụng trong thơ về các đề tài truyền thống như quê hương, thiên nhiên, tình cảm gia đình, bản sắc văn hóa dân tộc. Trở về truyền thống là trở về với những giá trị tự nhiên, vì vậy cần đến lớp ngôn ngữ trong sáng như là một biểu hiện của sự thanh lọc tâm hồn.

3.2.3. Ngôn ngữ hàm súc

Hàm súc, giàu sức gợi là đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật. Trong thơ hiện nay, ngôn ngữ hàm súc, giàu sức gợi vẫn là mục tiêu tìm kiếm của nhiều nhà thơ mà biểu hiện đầu tiên là sự sáng tạo ra nhiều kết hợp từ lạ, cho phép mở ra nhiều chiều liên tưởng: “*Chiều Đồng Văn / Ta ngóng nắng Cô Tiên*” (Thụy Anh); “*Tôi ngồi lắng giọt thu sa dịu dàng*”, “*Buổi sáng ra vườn nghe mưa ký ức*” (Hoàng Quý)... Bên cạnh đó, các nhà thơ còn sử dụng nhiều biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhân hóa... để làm mới và để tăng sức biểu đạt, biểu cảm cho ngôn từ. Ngôn ngữ, hàm súc giàu sức gợi làm nên vẻ đẹp riêng của ngôn ngữ thơ, cũng là điểm phân biệt ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi. Tuy

vậy, các nhà thơ trẻ hiện nay do xu hướng giải bày, kể lể nên nhiều khi ngôn ngữ ít có sự cô đọng, tính hàm súc của ngôn ngữ thơ bị giảm bớt.

3.3. Hình ảnh

Khi cảm hứng thế sự, đời tư giữ vai trò chủ đạo, hình ảnh thơ ngày càng có xu hướng đời thường, trần tục hóa. Bên cạnh đó, những nỗ lực cách tân không ngừng của các nhà thơ đương đại cũng khiến xuất hiện nhiều hơn trong thơ những hình ảnh lạ hóa, siêu thực. Cùng với xu hướng quay về truyền thống như một cách phản ứng lại nền văn minh công nghiệp, trong thơ hiện nay ta còn thấy sự xuất hiện trở lại những hình ảnh gần gũi, thân thuộc mang tính dân gian.

3.3.1. Những hình ảnh mang tính dân gian

Trong xu hướng trở về với quê hương, với văn hoá dân tộc để trốn chạy khỏi nền kinh tế thị trường xô bồ, nhộn nhịp, sự xuất hiện của những hình ảnh mang tính dân gian là một tất yếu. Ta gặp trong thơ hiện nay những hình ảnh quen thuộc của ca dao: cây đa, bến nước, dòng sông, nhà gianh, mái rạ, cây bưởi, con trâu, bờ ao... Những hình ảnh ấy gợi về một thế giới rất xưa, cái thời con người tuy nghèo đói, vất vả nhưng sống với nhau thật nghĩa tình (*Hát cùng ca dao* - Hồ Thủy Giang). Ta cũng gặp trong thơ hiện nay hình ảnh về trò chơi dân gian như rồng rắn lên mây, chơi ô ăn quan... (*Cội rẽ* - Lê Văn Hiếu, (*Gửi người chơi ô ăn quan* - Nguyễn Thị Ngọc Hà) Qua hình ảnh về những trò chơi dân gian, con người thể hiện ước mong trở lại thời thơ ấu để tìm lại bản nguyên trong sáng, thánh thiện của mình và để nhìn lại mình trong hiện tại.

3.3.2. Những hình ảnh đời thường, trần tục hóa

3.3.3.1. Sự thay đổi ý nghĩa, chiều kích của một số hình ảnh

Khi thơ trở về với những vấn đề thế sự, đời tư thì tất yếu sẽ dẫn đến sự thu hẹp chiều kích của một số hình ảnh thơ, như hình ảnh Tổ quốc, Mẹ,... Những hình ảnh này không còn chiều kích lớn lao như trong văn học sử thi mà trở nên nhỏ bé, đời thường. Một số hình ảnh lại có sự thay đổi ý nghĩa biểu đạt, chẳng hạn như hình ảnh đất, cỏ,...

3.3.3.2. Những hình ảnh về cuộc sống đời thường, trần tục

Nhiều nhất trong thơ mười năm đầu thế kỷ XXI là những hình ảnh của cuộc sống đời thường trần tục. Đây là hệ quả tất yếu khi cảm hứng thế sự, đời

tư trở thành cảm hứng chủ đạo và dân chủ trong thơ ca được đề cao. Chúng tôi tạm phân chia các hình ảnh về cuộc sống đời thường, tràn trề trong thơ hiện nay thành các nhóm sau:

* Hình ảnh con người: là những con người bé nhỏ với số phận riêng (chứ không phải là những con người tiêu biểu của thời đại) như em bé mồ côi, người đàn bà bán mình làm vợ xứ người, người hàng xóm, người đi cùng chuyến tàu, người thân, người bạn... Bên cạnh đó là những biểu trưng về số phận con người như hạt cát, hạt bụi, cỏ...

* Thế giới loài vật: những loài vật bé nhỏ như: con gián, con kiến, con chó, con mèo, con chim vành khuyên, ...

* Cảnh vật gắn liền với cuộc sống thường ngày của con người như: hoa cau, hoa xoan, hoa mướp, lục bình, dây bầu, chiếc lá, cánh đồng...

* Những hình ảnh thể hiện tâm trạng cô đơn của con người như: chiếc bóng, độc thoại, con người lang thang...

* Những hình ảnh mang tính nhục thể: những bộ phận trên cơ thể con người (đặc biệt là người phụ nữ), những hình ảnh gợi tính dục...

3.3.3. Những hình ảnh lạ hóa mang màu sắc siêu thực

Trong việc xây dựng hình tượng thơ, các tác giả đương đại sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật mà trước đây rất dè dặt. Cái quy ước miêu tả cuộc sống một cách lịch sử - cụ thể, hình tượng nghệ thuật phải được thể hiện như dạng thức có thật của đời sống ngày nay đã thay đổi. Đó là sự kết hợp các yếu tố thực và ảo, kết hợp ý thức lẫn vô thức. Những *yếu tố siêu thực* xuất hiện trong tác phẩm tạo một không khí nghệ thuật đặc biệt, có tính huyền ảo, khác lạ. Hiện thực phô bày bởi cái nhìn hư tưởng bên trong kết hợp với những ảo giác cảm nhận bên ngoài gợi nhiều liên tưởng táo bạo, mới lạ. Bằng những thủ pháp này bài thơ tạo được những hiệu ứng thẩm mỹ phong phú đa dạng và mới mẻ ở người đọc. Những hình ảnh lạ hóa mang màu sắc siêu thực rất phổ biến trong thơ Nguyễn Quang Thiều, Trần Tuấn, Nguyễn Việt Chiến, Yên Khương...

3.4. Giọng điệu

Thơ hiện nay ngày càng đa dạng, phong phú về giọng điệu bởi các nhà thơ đương đại có ý thức mạnh mẽ về bản sắc cá nhân và cá tính sáng tạo nên

luôn cố gắng tạo ra giọng điệu riêng. Mặt khác, cuộc sống được cảm nhận nhiều chiều với những quan niệm thẩm mỹ khác nhau cũng quy định những giọng điệu khác nhau.

3.4.1. Giọng giải bày, tâm sự

Khi nghiêng về cảm hứng đời tư, giọng giải bày, tâm sự trở nên nổi trội. Giọng điệu này xuất phát từ nhu cầu muốn được bày tỏ, muốn được khẳng định cái tôi cá nhân của con người thời nay. Làm thơ là cách nhà thơ trải nỗi lòng trên trang giấy, để mong tìm ở người đọc mối dây đồng cảm, sẻ chia. Ta thường bắt gặp trong thơ hiện nay hình thức tự bạch. Đây thực chất là dạng độc thoại nhằm phơi bày cái tôi của mình (*Tự khúc* - Tùng Bách, *Tâm khúc* - Lê Khánh Mai...) Giọng giải bày, tâm sự còn được thể hiện qua hình thức đối thoại. Bằng hình thức này, nhân vật trữ tình hướng tới một đối tượng nào đó để bộc lộ tình cảm của mình (*Dẫn con gái* - Đoàn Thị Lam Luyến, *Hỏi* - Lê Khánh Mai,...).

3.4.2. Giọng chiêm nghiệm, triết lý

Trầm tư, triết lý cũng là giọng điệu chủ yếu trong thơ hiện nay. Giọng điệu này thường gắn với đề tài thế sự, thể hiện những nhận thức, suy ngẫm của nhà thơ về cuộc sống. Con người ngày nay là con người hay triết lý, nhiều nhất là những triết lý về nhân sinh (*Tản mạn, chiều* - Quang Khải, *Dụ ngôn chiều cuối năm* - Lê Quốc Hán,...); ngoài ra, trong thơ hiện nay còn có những triết lý sâu sắc về quê hương (*Miệt vườn* - Nguyễn Thị Ánh Huỳnh), về đất (*Giai điệu* - Lương Ngọc An), về lời nói (*Một lời* - Hữu Thịnh)... Chất triết lý đem lại cho thơ vẻ đẹp của tư tưởng, trí tuệ.

3.4.3. Giọng tự sự khách quan

Giọng điệu truyền thống của thơ là trữ tình, tha thiết. Nhưng nhiều nhà thơ hiện nay một mặt không muốn ở mãi ở trong từ trường cảm xúc đó, mặt khác muốn để người đọc được tự do suy nghĩ và cảm nhận, không bị dẫn dắt bởi cảm xúc của nhà thơ nên đã sử dụng giọng điệu tự sự khách quan. Đặc trưng của giọng điệu này là chỉ kể chứ không bộc lộ cảm xúc. Tuy vậy, ẩn sau lời tự sự khách quan ấy, bao giờ cũng thể hiện một thái độ của tác giả đối với cuộc sống (*Người đi cùng chuyến tàu* - Tùng Bách, *Nhả khói lên trời* - Lê Thái Sơn,...)

3.4.4. Giọng cảm thương

Giọng cảm thương là giọng chủ đạo khi nhà thơ suy ngẫm về số phận con người. Xúc động nhất là những vần thơ viết về người thân, về người bà, người mẹ, người chị,... cả đời vất vả, hy sinh (*Thời nắng xanh* - Trương Nam Hương, *Phía nào cũng gió* - Ngô Kim Huy, *Lời thề mùa đông* - Bùi Hoàng Tám,...). Giọng cảm thương cũng là giọng điệu chủ yếu trong những bài thơ viết về nỗi đau chiến tranh, về những mảnh đời bất hạnh (*Về Trường Sơn* - Phùng Ngọc Hùng, *Những hạt bụi long đong* - Thái Hồng,...).

Bên cạnh những giọng điệu trên, ta còn thấy trong thơ hiện nay sử dụng nhiều giọng điệu khác nữa như giọng nghi vấn (*Nghen* - Hữu Thỉnh), giọng mỉa mai (*Mất gỗ* - Phan Hoàng), giọng hân học (*Lỗ thủng* - Phan Huyền Thư),...

Sự phong phú về giọng điệu là hệ quả tất yếu của sự dân chủ hóa và sự mở rộng hiện thực phản ánh trong thơ ca. Nhìn chung, có thể thấy rằng trong thơ hiện nay, giọng kể, giọng nói chiếm ưu thế tuyệt đối so với giọng ngâm, giọng hát. Sự biến đổi về giọng điệu này là một khía cạnh thể hiện quá trình cách tân thơ ca, bởi lẽ loại thơ khuôn nhịp, đều đặn đã trở nên nhàm với độc giả. Tuy vậy, vì điều này mà thơ đương đại đang rơi vào tình thế mâu thuẫn, một mặt, sự biến đổi giọng điệu góp phần đổi mới thơ; mặt khác thơ chịu nguy cơ rơi vào quên lãng vì khó nhớ, khó thuộc.

KẾT LUẬN

Trong sự vận động của thơ đương đại, về mặt nội dung, có thể dễ dàng nhận ra, đi vào các vấn đề thế sự, đời tư là hướng khai thác phù hợp với tình hình xã hội hiện nay và phù hợp với thị hiếu của độc giả. Đây cũng là sự tiếp tục những mạch cảm hứng chính của thơ ca cuối thế kỷ XX, nhưng đã có sự điều chỉnh. Nếu thơ cuối thế kỷ XX có sự sa đà vào khía cạnh đời tư, tạo cảm giác thơ toàn nói đến cái vụn vặt, bé nhỏ, thì thơ đầu thế kỷ XXI quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề thế sự, trong đó có những vấn đề của dân tộc và nhân loại; qua đó thể hiện trách nhiệm công dân, thể hiện nhân cách của người nghệ sĩ đối với cuộc đời. Cảm hứng thế sự chiếm vai trò chủ đạo đã mở rộng bình diện phản ánh hiện thực trong thơ, giúp thơ luôn bám sát và song hành cùng cuộc sống. Cũng vì lẽ đó mà thơ hôm nay giàu tính thời sự và mang giá trị nhân đạo sâu sắc.

Khả năng con người cá tính là nội dung nổi bật trong những tác phẩm mang cảm hứng đời tư. Bên cạnh đó thơ cũng thể hiện thế giới nội tâm vô cùng phong phú của con người với những tình cảm rất con người như tình yêu, tình cảm gia đình, bè bạn. Thơ cũng chạm đến chiều sâu tâm linh của con người thời nay với niềm tin tôn giáo, thế giới của tiềm thức, vô thức, khiến đời sống bên trong của con người hiện lên đầy đủ hơn, sinh động hơn và qua đó thơ cũng đạt được giá trị nhân bản mới.

Khi cảm hứng thế sự và đời tư giữ vai trò chủ đạo thì tất yếu hình thức thơ cũng có sự biến đổi cho phù hợp với nội dung cần biểu hiện. Khuynh hướng tự do hóa hình thức thơ, xâm nhập chất văn xuôi vào thơ là để đáp ứng nhu cầu mở rộng bình diện phản ánh. Hiện thực đời sống cũng như hiện thực tâm hồn không còn bị bó hẹp trong khuôn khổ vần, luật mà tràn ra trên trang giấy. Trong thơ đầu thế kỷ XXI, bên cạnh ngôn ngữ trong sáng, giản dị và ngôn ngữ hàm súc vốn là hai loại ngôn ngữ phổ biến của thơ, có sự gia tăng đáng kể ngôn ngữ đời thường, trần tục. Về hình ảnh, đáng chú ý nhất là sự chiếm ưu thế của các hình ảnh của cuộc sống đời thường, phù hợp với vai trò chủ đạo của cảm hứng thế sự, đời tư trong thơ hiện nay. Bên cạnh đó là sự gia tăng các hình ảnh siêu thực trong nỗ lực làm lạ hóa thơ của các tác giả có xu hướng cách tân. Thơ hôm nay cũng có sự đa dạng, phong phú về giọng điệu. Đó là hệ quả tất yếu của sự đa dạng, phức tạp trong đời sống tình cảm, cảm xúc của con người. Ngoài ra thơ đầu thế kỷ XXI cũng ghi nhận những cách tân táo bạo về mặt hình thức trong nỗ lực muốn làm mới thơ như những thử nghiệm theo lối Tân hình thức và hậu hiện đại. Tuy rằng những thử nghiệm ấy chưa có nhiều giá trị nhưng đó là những bước thử nghiệm cần thiết để tìm con đường phát triển cho thơ hiện nay.